TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày: 11/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân H**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D** - Cán bộ hưu trí
2. Ông **Lưu T** - Cán bộ hưu trí

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa*:** Ông **Võ Ngọc A** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/HSST ngày 29/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HS ngày 30/12/2020 đối với bị cáo:

TG, sinh năm 1993, tại tỉnh G; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng O, xã Đ, huyện C, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không đi học; Cha: R - sinh năm 1954; Mẹ: N - sinh năm 1968, đều trú tại: Làng O, xã Đ, huyện C, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo sống như vợ chồng với chị HL - sinh năm 1996 tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G và có 01 con chung sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Huỳnh Văn K** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt.

** Bị hại:*
Anh **Trần Văn Q** - sinh năm 1997
Trú tại: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Anh **A** - sinh năm 1990
Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt
2. Anh **P** - sinh năm 1973
Trú tại: Làng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt
3. Anh Th - sinh năm 1981
Trú tại: Làng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt
4. Anh R - sinh năm 1992
Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt
5. Anh **A1** - sinh năm 1970
Trú tại: Làng Hnap, xã K'Dang, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt
6. Chị **Phạm Thị Ch** - sinh năm 1973

Trú tại: 154/9 Lê Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh G. Vắng mặt

7. Chị **HL** - sinh năm 1996

Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

** Người phiên dịch:* Ông **K**

Trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 8/2020, TG đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào khoảng đầu tháng 2/2020, tại nhà rẫy của anh A (Sinh năm 1990) thuộc làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, TG đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2. Sau khi lấy trộm điện thoại, TG bán cho N (Sinh năm 2000, trú tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G) với số tiền 200.000đ. Đến tháng 3/2020, N bán lại chiếc điện thoại trên cho R (Sinh năm 1992, trú tại B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G) với số tiền 500.000đ. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, Anh R biết điện thoại là do trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp lại. Qua định giá xác định tài sản bị trộm cắp trị giá 700.000đ.

Lần thứ 2: Vào ngày 02/5/2020, tại nhà rẫy của anh P (Sinh năm 1973) thuộc làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, TG đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A31. Sau khi lấy trộm được điện thoại trên, TG giữ lại để sử dụng cá nhân. Qua định giá xác định tài sản bị trộm cắp trị giá 900.000đ.

Lần thứ 3: Vào khoảng 08 giờ ngày 31/7/2020, TG điều khiển xe mô tô (không gắn biển số) đi từ nhà vợ tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G đến khu vực rẫy cà phê của người dân ở cùng làng để hái măng. Khi đến nơi, TG để xe mô tô vào bụi le phía ngoài rẫy cà phê rồi đi bộ tìm hái măng. Đến khoảng 09 giờ, khi đi qua rẫy cà phê của anh Trần Văn Q (Sinh năm 1997, trú tại: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G), TG phát hiện xe mô tô biển số 81B1 - 2271 của anh Q đang dựng ở giữa đường rẫy, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Khi tiếp cận xe mô tô của anh Q, TG phát hiện chìa khóa vẫn còn cắm trên xe nên đã dùng chìa khóa mở cốp xe ra, lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus rồi để vào túi ni lông cùng với điện thoại nhãn hiệu Oppo A31 và tiếp tục đi hái măng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, TG để bao măng phía trên dốc rẫy cà phê rồi đi lấy xe mô tô. Khi điều khiển xe mô tô quay lại thì TG phát hiện anh Trương Văn Th1 (Sinh năm 1976, trú tại Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G), ông Trần Văn C (Sinh năm 1967, trú tại Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G) và Trần Văn Q đang đứng ở chỗ bao măng của mình. Lo sợ bị phát hiện việc lấy trộm điện thoại nên TG dừng xe mô tô, giấu 02 chiếc điện thoại di động dưới vị trí tấm tôn nằm trên nền đất, tại rẫy cà phê của người dân ở gần đó. Sau khi cất giấu xong, TG điều khiển xe mô tô đi đến chỗ để bao măng thì gặp anh Thường và anh Thường nói TG cho kiểm tra túi xách, nhưng thấy không có điện thoại nên anh Thường để TG đi. Trong khi đó, ông C và anh Q đi đến chỗ tấm tôn mà TG cất giấu tài sản thì phát hiện điện thoại Iphone 6S Plus của anh Q cùng với điện thoại của TG nên TG báo cho anh Th đuổi theo TG. Trong quá trình bị truy đuổi, TG đã bỏ lại xe mô tô chạy thoát. Sau

đó, anh Trần Văn Q đã trình báo sự việc đến Công an xã Đak Sơ mei và giao nộp 02 điện thoại di động cùng 01 xe mô tô do TG bỏ lại. Qua định giá xác định chiếc điện thoại mà TG trộm cắp của anh Q trị giá 4.500.000đ.

Lần thứ 4: Khoảng 01 giờ ngày 01/8/2020, TG đi bộ về nhà vợ tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G để lấy quần áo rồi đi bộ đến một căn nhà rẫy vắng chủ để ngủ. Đến khoảng 12 giờ ngày 01/8/2020, TG đi bộ đến khu vực giọt nước thuộc làng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G thì phát hiện có 01 xe mô tô biển số 81F5 - 0986, nhãn hiệu Fame của Anh Th (Sinh năm 1981, trú tại làng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G) đang dựng tại đây nhưng không có người trông coi nên TG đã lấy trộm xe mô tô trên dùng làm phương tiện bỏ trốn. Xe mô tô trên không có ổ khóa điện nên TG chỉ đạp cần khởi động là nổ máy được và điều khiển xe về nhà mẹ ruột tên N (Sinh năm 1968) ở Làng O, xã Đr, huyện C, tỉnh G. Đến ngày 03/8/2020, TG bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tiến hành thu giữ xe mô tô biển số 81F5 – 0986, nhãn hiệu Fame. Qua định giá xác định tài sản bị trộm cắp trị giá 200.000đ.

Ngoài ra, vào tháng 11/2019, TG đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo tại nhà rẫy của người dân thuộc làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, rồi sau đó bán điện thoại trên cho Nguyễn Khắc Ph (Sinh năm 1990, trú tại Thôn 18, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G) với số tiền 800.000đ. Tuy nhiên, việc lấy trộm điện thoại do TG thực hiện vào ban đêm và thời gian đã lâu nên không xác định được địa điểm thực hiện hành vi, việc truy tìm bị hại không có kết quả và vật chứng không thu giữ được do anh Nguyễn Khắc Phi đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với TG về hành vi trên, khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

2. Về vật chứng:

- Đối với những tài sản bị trộm cắp thu giữ được, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho chủ sử hữu, cụ thể như sau:

+ Điện thoại đi động nhãn hiệu SamSung J2 trả lại cho A

+ Điện thoại đi động nhãn hiệu Oppo A31 trả lại cho P

+ Điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone 6S Plus trả lại cho Trần Văn Q

+ Xe mô tô biển số 81F5 - 0986, nhãn hiệu Fame, trả lại cho Th

- Đối với xe mô tô không gắn biển số do TG bỏ lại sau khi bị phát hiện trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên mang biển số 81K1-2099, số khung H1MV51101338, số máy FMH700001276; đây là tài sản của vợ của TG tên HL, sinh năm 1996, trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Khi TG dùng xe mô tô làm phương tiện phạm tội, HL không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại tài sản cho HL.

3. Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường dân sự.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 28/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo TG về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo TG từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về vật chứng: Đã được xử lý đúng quy định trong giai đoạn điều tra.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo do bán tài sản trộm cắp và tiêu xài cá nhân hết cần buộc bị cáo nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

Về dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 31/7/2020, tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, bị cáo TG đã lợi dụng sự sơ hở của chủ ở hữu, lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus của anh Trần Văn Q. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá 4.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 02/2020 đến ngày 01/8/2020, TG còn nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng hành vi của TG thực hiện không liên tục và đều không cấu thành tội phạm.

Hành vi phạm tội của bị cáo TG là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân tốt; không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, không đi học, nhận thức pháp luật có sự hạn chế; bị hại và

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với những người đã mua lại tài sản từ TG là N và Nguyễn Khắc Ph, hai người này đều không biết tài sản đã mua từ TG là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

[3] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với số tiền 1.000.000 đồng là tiền do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có đã tiêu xài cá nhân hết, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về dân sự: Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **TG** phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo TG 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 03/8/2020.

2. Tịch thu tiền trực tiếp liên qua đến tội phạm: Buộc bị cáo TG phải nộp số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo TG phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/01/2021); bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại
- Người TGTT khác
- Lưu HS, AV, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân H